TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/04/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Mây
2/ Ông Võ Văn Tốt

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Thế Chung – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Thanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 04 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1139/2024/TLST - HNGĐ ngày 25/10/2024 về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2025/QĐST- HNGĐ ngày 10/03/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà S, sinh năm: 1994
Thường trú: 551/70/22/16 K, Khu phố 7 (Nay là Khu phố 41), phường T, Thành phố M

Bị đơn: Ông T, sinh năm: 1985
Thường trú: 551/70/22/16 K, Khu phố 7 (Nay là Khu phố 41), phường T, Thành phố M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/09/2024 và bản tự khai đề ngày 30/10/2024, nguyên đơn bà S trình bày: Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh D ngày 03/03/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, hai bên bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải để đoàn tụ gia đình được. Bà S xác định tình cảm với ông T thật sự đã không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà S khai có 02 người con chung tên D, sinh ngày 04/09/2018 và H, sinh ngày 28/08/2020. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên H và giao người con chung tên H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông T từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố M đã tiến hành triệu tập ông T đến Tòa để giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của bà Sen nhưng ông T đã vắng mặt tại tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông T và tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, ông T trình bày thừa nhận ông và bà S có xảy ra mâu thuẫn, những mâu thuẫn nhỏ nhặt, vợ chồng có thể hàn gắn được, đồng thời xác định tình cảm vợ chồng với bà S vẫn còn nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung và yêu cầu bà Sen cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về mặt tố tụng và nội dung vụ án: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; Về mặt nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông T cư trú tại địa chỉ 551/70/22/16 Lê Văn Khương, Khu phố 7 (Nay là Khu phố 41), phường H, Thành phố M nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Q, TP. M.

[2] Nguyên đơn bà S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 44, ngày 03/03/2016 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, tỉnh D cấp có cơ sở xác nhận ông T, bà S là vợ chồng, đã tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của ông bà dựa trên nguyên tắc tự do, tiến bộ phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở lên trầm trọng. Nay bà Sen xác định tình cảm vợ chồng với ông T thật sự đã không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn để trả tự do cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng giữa hai ông bà đã không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở

được chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ trích lục khai sinh số 1017, ngày 12/09/2018 và bản sao giấy khai sinh số 467 ngày 03/09/2020 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố M cấp, có cơ sở xác định bà Sen, ông Thắng có 02 (hai) người con chung tên H, sinh ngày 04/09/2018 và H, sinh ngày 28/08/2020. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên H và giao người con chung tên H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[5] Xét, bà Sen yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H nhưng hiện nay bà S không có mặt tại nơi cư trú, từ khi bà S bỏ đi cho đến nay các trẻ H và trẻ H do ông bà ngoại và ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần giao cho ông T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Xét, ông T yêu cầu bà Sen cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi các con chung lần lượt trưởng thành nhưng không chứng minh được nơi cư trú hiện nay của bà S và không chứng minh được việc làm cũng như thu nhập của bà S nên không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Bà S, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên không xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 207; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 235; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà S.

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà S được ly hôn với ông Phạm Văn Thắng.

1.2/ Về con chung: Giao 02 người con chung tên H, sinh ngày 04/09/2018 và H, sinh ngày 28/08/2020 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà S cho đến khi có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng

bà Sen đã nộp theo biên lai thu số 0016992 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố M.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự văng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014)".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.12; (1)
- CC.THADS Q. 12; (1)
- Hai bên đ/sự; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thăng